

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/HS-ST
Ngày 09 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim X

Ông Lâm Ngọc T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 08 tháng 4 năm 2025 đến ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Thông báo số 18/2025/TB-TA ngày 26/3/2025 đối với các bị cáo:

1. Ngô Khánh H, sinh năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn A, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện nay: ấp X - Bà K, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn S và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là Vi Thị X (sinh năm 1990) và có 03 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 13/12/2024 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2. Huỳnh Bảo G, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: T H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn K1 và bà Trần Thị S1; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Mộng T1 (sinh

năm 1993) và có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 13/12/2024 được hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH S2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu công nghiệp N, giai đoạn 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1993 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965 (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số E, ấp D, xã N, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Khánh H là tài xế xe nâng thuộc bộ phận kho của Công ty S3 thuộc KCN N, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vào lúc 8 giờ ngày 07/12/2024, khi H đang làm việc tại kho A Công ty S3 thì có Huỳnh Bảo G là tài xế chở hàng thuê cho Công ty V thuộc KCN V, thành phố T, tỉnh Bình Dương điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 61H-09058 đi cùng với phụ xe Tô Hoàng N (sinh năm 1990) đến giao hàng là các thùng carton bên trong có các bao hạt nhựa ABS PA-757. Trong lúc nhận hàng, H nảy sinh ý định trộm các bao hạt nhựa ABS PA-757 của Công ty đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài. Tiến hành, H đến gặp G bàn bạc, thỏa thuận với G, khi G điều khiển xe ra về, H sẽ lấy 01 thùng carton bên trong chứa 30 bao các hạt nhựa ABS PA-757 từ trong kho bỏ lên xe cùng với các thùng carton phế liệu, sau khi G chở số tài sản này ra khỏi công ty thì H sẽ nhắn địa chỉ để G đến bán, sau khi bán và lấy tiền H sẽ chia cho G, G đồng ý.

Đến 9 giờ cùng ngày, sau khi nhận hàng xong, H điều khiển xe nâng đi vào phía bên trong kho A lấy 30 bao hạt nhựa màu trắng hiệu ABS PA-757A mã PRM-ABS-765A-0-A có tổng trọng lượng 750kg được H cất giấu vào trong 01 thùng carton có kích thước 1m x 1m đưa lên xe rồi phủ các thùng carton phế liệu bên trên, xong H đưa cho N 01 giấy mang tài sản ra cổng có nội dung là thùng carton phế liệu. Khi G điều khiển xe ra đến cổng Công ty S3 thì anh Phạm Văn N1, bảo vệ của công ty đến kiểm tra các thùng hàng trên xe phát hiện có một thùng carton bên trong có chứa 30 bao hạt nhựa màu trắng hiệu ABS PA-757A mã PRM-ABS-765A-0-A có tổng trọng lượng 750kg nên đã trình báo Giám đốc Công ty S3 và Đ Công an Khu Công nghiệp Nhơn Trạch đến lập biên bản phạm tội quả tang.

Tang vật vụ án thu giữ gồm:

- 01 xe ô tô tải BKS: 61H-080.58.

- 30 bao hạt nhựa hiệu ABS PA-757A mã PRM-ABS-765A-0-A có tổng trọng lượng 750kg; 01 thùng carton kích thước 1m x 1m (được dán từ 03 thùng carton) và 100kg bìa carton kích thước 40cm x 40 cm là tài sản của Công ty S3. Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại là đúng quy định.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 109/KLĐG-HĐĐG ngày 11/12/2024 kết luận: 30 bao hạt nhựa hiệu ABS PA-757A mã PRM-ABS-765A-0-A có tổng trọng lượng 750kg, trị giá 32.059.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 64/CT.VKSNT ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G về tội “trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Ngô Khánh H từ 14 tháng đến 16 tháng tù và Huỳnh Bảo G từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên:

- Trả lại 01 xe ô tô tải BKS: 61H-080.58 của Huỳnh Bảo G do đây là tài sản của ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị Thu B toàn bộ tiền vốn mua xe để chở hàng thuê cho Công ty V, G chỉ là người đại diện đứng tên trên giấy đăng ký xe để thuận tiện cho việc ký hợp đồng chở hàng; ông T2, bà T3 không biết việc G sử dụng xe vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đã biết lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị hại là Công ty TNHH S2 vắng mặt tuy nhiên đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của Công ty TNHH S2 tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng được thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 07/12/2024, tại Công ty TNHH S2, thuộc KCN N, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G đã thực hiện hành vi trộm cắp 30 bao hạt nhựa hiệu ABS PA-757A mã PRM-ABS-765A-0-A có tổng trọng lượng 750kg, trị giá 32.059.500 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị 32.059.500 đồng của bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Hoàng G1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Xét tính chất của vụ án mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc phân công vai trò cụ thể và cũng không có sự điều khiển của người nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mục đích, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau cho nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo H là người rủ rờ, bị cáo G1 là đồng phạm cùng thực hiện hành vi trộm tài sản. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

nghiệm trọng; Các bị cáo đều đang nuôi con nhỏ, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo các tình tiết trên khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T2 bà Lê Thị T3 cho rằng chiếc xe ô tô tải BKS: 61H-080.58 là tài sản riêng của vợ chồng ông bà bỏ tiền ra mua, G1 chỉ là người đứng tên dùm do có bằng lái xe và để thuận tiện trong việc ký hợp đồng chở hàng thuê cho Công ty V, ông T2 và bà T3 không biết việc G1 đã sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, điều này được bị cáo G1 thừa nhận. Hơn nữa, đây cũng là tài sản có giá trị duy nhất của gia đình ông bà, là nguồn tạo ra thu nhập chính phục vụ cho nhu cầu thiết yếu để nuôi sống ông bà và các cháu nhỏ. Do đó, cần xem xét trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp. Tuy nhiên, do vợ chồng G1 và ông T2, bà T3 đã có văn bản thỏa thuận với nhau về việc nếu G1 không tiếp tục chạy xe thì phải bàn giao lại xe cho bố mẹ là ông T2, bà T3 quản lý nên xem xét trả lại chiếc xe trên cho G1 để các đương sự tự thỏa thuận với nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 46; Điều 47; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Ngô Khánh H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Khánh H cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bảo G 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Bảo G cho UBND phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Bảo G chiếc xe ô tô tải BKS: 61H-080.58 mang tên Huỳnh Bảo G.

Tang vật trên hiện Cơ quan Thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/02/2025.

4. Về án phí: Bị cáo Ngô Khánh H và Huỳnh Bảo G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc T4 – L

Lê Thị H1

